

Thời gian : 17h30 - 04/02/2010

HỌC KỲ : 5
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10					15		20	55			
1	132310401	Nguyễn Thị Lan	Anh	T13KKT1	8					9		8	2.5	5.1	Năm phẩy Một
2	132310403	Trần Thị Ngọc	Bích	T13KKT1	0					0		0	P	P	Nợ HP
3	132310407	Nguyễn Thị Thu	Diệu	T13KKT1	10					9		7.5	4.5	6.3	Sáu phẩy Ba
4	132310409	Trương Thị Bích	Thủy	T13KKT1	10					9		6.5	4.8	6.3	Sáu phẩy Ba
5	132310410	Trần Thị Mỹ	Dung	T13KKT1	0					8.5		8.5	4.0	5.2	Năm phẩy Hai
6	132310411	Hoàng Anh	Dung	T13KKT1	10					9		8	6.5	7.5	Bảy phẩy Năm
7	132310414	Nguyễn Thị Tuyết	Hà	T13KKT1	10					9		8	5.5	7.0	Bảy
8	132310416	Lê Duy	Hải	T13KKT1	9					6		8.5	3.5	5.4	Năm phẩy Bốn
9	132310418	Lê Thị Ngọc	Hạnh	T13KKT1	10					9		8	4.0	6.2	Sáu phẩy Hai
10	132310421	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	T13KKT1	10					9		7.5	5.5	6.9	Sáu phẩy Chín
11	132310422	Phạm Thị Thanh	Hiền	T13KKT1	10					9		6.5	7.0	7.5	Bảy phẩy Năm
12	132310424	Nguyễn Thị Mỹ	Hoà	T13KKT1	10					9		7.5	2.0	5.0	Năm
13	132310429	Nguyễn Thị Thu	Huyền	T13KKT1	10					8.5		8.5	5.0	6.7	Sáu phẩy Bảy
14	132310431	Nguyễn	Khánh	T13KKT1	0					7		7	3.0	4.1	Bốn phẩy Một
15	132310434	Lê Thị Kiều	Vi	T13KKT1	10					9		8	9.0	8.9	Tám phẩy Chín
16	132310439	Lưu Thị Xuân	Mai	T13KKT1	9					9		3.5	1.5	3.8	Ba phẩy Tám
17	132310441	Trần Thị	Nhân	T13KKT1	9					9		3.5	2.5	4.3	Bốn phẩy Ba
18	132310442	Đặng Thị Hồng	Nhung	T13KKT1	10					9		6.5	1.0	4.2	Bốn phẩy Hai
19	132310447	Nguyễn Thị	Phương	T13KKT1	10					9		7.5	3.5	5.8	Năm phẩy Tám
20	132310448	Ngô Thị Quý	Phương	T13KKT1	9					6		7.5	5.0	6.1	Sáu phẩy Một
21	132310449	Bùi Thị Diệu	Phương	T13KKT1	10					9		7.5	7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy
22	132310453	Nguyễn Thị Thái	Thanh	T13KKT1	10					9		8.5	5.0	6.8	Sáu phẩy Tám
23	132310455	Võ Thị Thu	Thảo	T13KKT1	10					9		8.5	2.5	5.4	Năm phẩy Bốn
24	132310457	Phan Thị Mỹ	Thêu	T13KKT1	10					9		8	5.0	6.7	Sáu phẩy Bảy
25	132310459	Phạm Thị Mai	Thông	T13KKT1	10					9		8	8.5	8.6	Tám phẩy Sáu
26	132310461	Lê Thị	Thương	T13KKT1	10					7.5		8	3.5	5.7	Năm phẩy Bảy
27	132310463	Phan Thị Thanh	Thuý	T13KKT1	8					8.5		7	1.5	4.3	Bốn phẩy Ba
28	132310466	Văn Thị Bích	Thủy	T13KKT1	10					9		8	4.5	6.4	Sáu phẩy Bốn
29	132310467	Nguyễn Thị Mỹ	Thuý	T13KKT1	10					9		8	4.5	6.4	Sáu phẩy Bốn
30	132310468	Đinh Văn	Tích	T13KKT1	8					7.5		7	3.5	5.3	Năm phẩy Ba
31	132310469	Đỗ Thị Thùy	Trang	T13KKT1	9					9		7.5	4.0	6.0	Sáu
32	132310470	Nguyễn Thị Hương	Trang	T13KKT1	9					6.5		7.5	6.5	7.0	Bảy
33	132310471	Vũ Thị Hoài	Trang	T13KKT1	0					0		0	V	V	Vắng

Thời gian : 17h30 - 04/02/2010

HỌC KỲ : 5
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP								ĐIỂM TỔNG KẾT		
					A	P	Q	H	L	M	I	G			F
					10					15		20	55	SỐ	CHỮ
34	132310473	Đỗ Thị Tâm	Uyên	T13KKT1	10					9		7	3.5	5.7	Năm phẩy Bảy
35	132310476	Phạm Hà Hồng	Vân	T13KKT1	9					7.5		7	4.0	5.6	Năm phẩy Sáu
36	132310477	Phan Ái Tuyết	Vi	T13KKT1	9					9		8.5	4.5	6.4	Sáu phẩy Bốn
37	132310478	Hoàng Thị	Vui	T13KKT1	10					8		8.5	3.5	5.8	Năm phẩy Tám
38	132310481	Lê Thị	Yến	T13KKT1	8					7.5		7	2.0	4.4	Bốn phẩy Bốn
39	132310483	Lê Thị Việt	Hồng	T13KKT1	8					8.5		7	6.5	7.1	Bảy phẩy Một
40	132310484	Đinh Thị Xuân	Quý	T13KKT1	10					9		7	8.0	8.2	Tám phẩy Hai
41	132320624	Hoàng Thị Thuý	Hoài	T13KKT1	10					8.5		8.5	7.0	7.8	Bảy phẩy Tám
42	132320631	Trần Thị	Huế	T13KKT1	10					9		8	5.0	6.7	Sáu phẩy Bảy
43	132320632	Trần Thị Thanh	Huệ	T13KKT1	10					6		3.5	3.5	4.5	Bốn phẩy Năm
44	132320701	Trần Thị Bích	Nga	T13KKT1	10					9		8	7.0	7.8	Bảy phẩy Tám
45	132320785	Nguyễn Thị	Tâm	T13KKT1	10					9		6.5	6.5	7.2	Bảy phẩy Hai
46	132320877	Trần Thị Duy	Trinh	T13KKT1	9					8		3.5	1.0	3.4	Ba phẩy Bốn
47	132320882	Thái Văn	Tuấn	T13KKT1	7					9		7	1.0	4.0	Bốn
48	132310402	Nguyễn Ngọc	Ba	T13KKT2	10					8.5		6	2.5	4.9	Bốn phẩy Chín
49	132310404	Dương Thị Ngọc	Bích	T13KKT2	9					8		7	8.5	8.2	Tám phẩy Hai
50	132310408	Cao Thị Thu	Đông	T13KKT2	10					8		8	2.0	4.9	Bốn phẩy Chín
51	132310412	Ngô Thị Ngọc	Dung	T13KKT2	10					8.5		7	9.5	8.9	Tám phẩy Chín
52	132310413	Cù Duy	Dương	T13KKT2	10					9		7	6.5	7.3	Bảy phẩy Ba
53	132310415	Trần Thị Thu	Hà	T13KKT2	10					9		8	8.0	8.4	Tám phẩy Bốn
54	132310417	Cao Thị Thu	Hằng	T13KKT2	10					9		8	1.0	4.5	Bốn phẩy Năm
55	132310419	Cao Thị Thuý	Hiên	T13KKT2	10					9		7	5.5	6.8	Sáu phẩy Tám
56	132310420	Nguyễn Thị Thu	Hiên	T13KKT2	10					9		8.5	8.0	8.5	Tám phẩy Năm
57	132310425	Phan Thị Tuyết	Thương	T13KKT2	10					8.5		7	3.5	5.6	Năm phẩy Sáu
58	132310426	Đặng Thị Ngọc	Huệ	T13KKT2	10					7.5		8	7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu
59	132310428	Nguyễn Thị	Hương	T13KKT2	10					9		7	5.5	6.8	Sáu phẩy Tám
60	132310430	Đỗ Thị Bích	Huyện	T13KKT2	10					9		8	7.0	7.8	Bảy phẩy Tám
61	132310432	Hoàng Thị Thuý	Kiều	T13KKT2	9					9		7	8.0	8.1	Tám phẩy Một
62	132310435	Trần Thị	Ly	T13KKT2	9					8.5		6	7.5	7.5	Bảy phẩy Năm
63	132310437	Nguyễn Thị	Lý	T13KKT2	10					8		7	5.0	6.4	Sáu phẩy Bốn
64	132310438	Huỳnh Thị Anh Thảo	Lý	T13KKT2	10					8.5		8	6.5	7.5	Bảy phẩy Năm
65	132310440	Phạm Thị	Nga	T13KKT2	10					8.5		8.5	7.0	7.8	Bảy phẩy Tám
66	132310443	Phạm Thị Thanh	Nhung	T13KKT2	10					9		7	6.0	7.1	Bảy phẩy Một

Thời gian : 17h30 - 04/02/2010

HỌC KỲ : 5
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10					15		20	55			
67	132310444	Trần Thị Thuỳ	Nhung	T13KKT2	9					9		6	6.5	7.0	Bảy
68	132310445	Nguyễn Thị	Ny	T13KKT2	10					9		8	6.0	7.3	Bảy phẩy Ba
69	132310446	Lê Thị Diễm	Phúc	T13KKT2	10					7.5		7	8.5	8.2	Tám phẩy Hai
70	132310451	Nguyễn Thị Lan	Phương	T13KKT2	10					9		8.5	7.5	8.2	Tám phẩy Hai
71	132310452	Lưu Thị Thanh	Tâm	T13KKT2	10					9		8	3.5	5.9	Năm phẩy Chín
72	132310458	Thái Thị	Thoa	T13KKT2	9					7		7	2.0	4.5	Bốn phẩy Năm
73	132310460	Nguyễn Lạc Minh	Thư	T13KKT2	10					9		7	4.0	6.0	Sáu
74	132310462	Lê Thanh	Thương	T13KKT2	10					9		7	5.5	6.8	Sáu phẩy Tám
75	132310464	Nguyễn Thị Hồng	Thuỷ	T13KKT2	10					9		7	9.0	8.7	Tám phẩy Bảy
76	132310465	Lê Thị Bích	Thủy	T13KKT2	10					9		8	5.0	6.7	Sáu phẩy Bảy
77	132310474	Nguyễn Thị Bích	Vân	T13KKT2	10					9		8	9.0	8.9	Tám phẩy Chín
78	132310475	Đoàn Thị Hiền	Vân	T13KKT2	10					8.5		8	7.5	8.0	Tám
79	132310479	Hà Thị Tường	Vy	T13KKT2	10					7.5		8.5	5.5	6.9	Sáu phẩy Chín
80	132310480	Phạm Hoàng Hải	Yến	T13KKT2	10					7		8	5.0	6.4	Sáu phẩy Bốn
81	132310482	Nguyễn Hà	Linh	T13KKT2	9					7.5		8.5	4.5	6.2	Sáu phẩy Hai
82	132320510	Đào Thị Vân	Anh	T13KKT2	9					9		7	4.0	5.9	Năm phẩy Chín
83	132320547	Phạm Thị Hoàng	Diệp	T13KKT2	10					9		8.5	6.0	7.4	Bảy phẩy Bốn
84	132320553	Phạm Thị	Dung	T13KKT2	8					8.5		7	2.5	4.9	Bốn phẩy Chín
85	132320628	Cao Thị Phương	Hồng	T13KKT2	0					8.5		7	3.0	4.3	Bốn phẩy Ba
86	132320653	Đặng Thị Ngọc	Lan	T13KKT2	9					8.5		6	7.5	7.5	Bảy phẩy Năm
87	132320686	Nguyễn Tuấn	Minh	T13KKT2	10					7.5		7	9.5	8.8	Tám phẩy Tám
88	132320770	Nguyễn Thị Quỳnh	Sâm	T13KKT2	10					9		7	8.5	8.4	Tám phẩy Bốn
89	132320799	Võ Thị Thiên	Thanh	T13KKT2	10					8.5		8.5	6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu
90	132320817	Ngô Thị Phước	Thiện	T13KKT2	10					9		7	7.5	7.9	Bảy phẩy Chín
91	132320846	Lê Thị Thu	Thuỷ	T13KKT2	10					9		8.5	8.0	8.5	Tám phẩy Năm
92	132320876	Bùi Thị Minh	Triều	T13KKT2	9					9		7	5.0	6.4	Sáu phẩy Bốn